



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT
BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ TĨNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

| MỤC LỤC | Trang |
|---|--------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 1 - 3 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 |
| Báo cáo tài chính hợp nhất | |
| • Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 5 - 6 |
| • Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 7 |
| • Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 8 |
| • Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất | 9 - 33 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06/10/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 28.03.000151 ngày 12/11/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/12/2015 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Công ty con

Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE thành lập ngày 05/06/2012 với vốn điều lệ 13.500.000.000 đồng do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ. Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE đã chính thức giải thể từ ngày 27/02/2017 theo Thông báo của Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 22.310.580.000 đồng.

Vốn góp thực tế tại thời điểm 31/12/2016: 22.310.580.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 58 Phan Đình Phùng, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0239.3859708
- Fax: (84) 0239.3892839
- Website: www.hbec.com.vn
- Email: gdhbec@gmail.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới nhà nước cấm);

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối ngày 31/12/2016 là 83 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Hoàng Lê Bách | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 09/09/2014 |
| • Ông Đồng Văn Hùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Ông Lê Anh Quân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Vân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Bà Trần Thị Thu Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05/04/2015 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Yến | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 18/05/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 18/05/2014 |
| • Bà Đào Thị Thủy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/05/2014 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|--|------------------------------|
| • Bà Trần Thị Thu Hà | Quyền Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09/09/2014 |
| • Bà Hồ Thị Nga | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02/02/2015 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Phó Tổng Giám đốc Kiêm Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 09/09/2014 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Quyền Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính

Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Tel: 84.236.3655886; Fax: 84.236.3655887

Email: aac@dng.vnn.vn

Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349

Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 389/2017/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Hà Tĩnh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18/03/2017, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 03 năm 2017

Đặng Xuân Lộc – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1324-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 12.012.052.420 | 9.803.494.430 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 2.952.515.508 | 5.492.460.898 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.452.515.508 | 976.616.453 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 500.000.000 | 4.515.844.445 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 4.504.941.000 | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 6 | 4.504.941.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 2.181.252.291 | 2.361.048.165 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 2.706.740.496 | 2.986.183.327 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 8 | 30.253.580 | - |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 9 | 1.117.600.870 | 1.046.611.006 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 10 | 316.942.134 | 320.308.429 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 11 | (1.990.284.789) | (1.992.054.597) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 12 | 2.357.358.121 | 1.884.267.920 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 2.522.178.478 | 1.984.763.656 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (164.820.357) | (100.495.736) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 15.985.500 | 65.717.447 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 13.a | 15.985.500 | 19.597.002 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | 46.120.445 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 17.200.444.066 | 18.588.775.107 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | 361.433.500 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | 361.433.500 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 16.324.555.983 | 17.280.385.357 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 14 | 15.609.351.983 | 16.565.181.357 |
| - Nguyên giá | 222 | | 22.174.619.024 | 21.871.780.710 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (6.565.267.041) | (5.306.599.353) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 15 | 715.204.000 | 715.204.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 747.204.000 | 747.204.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (32.000.000) | (32.000.000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 875.888.083 | 946.956.250 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 13.b | 875.888.083 | 946.956.250 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 29.212.496.486 | 28.392.269.537 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C. Nợ phải trả | 300 | | 3.898.749.059 | 4.830.710.768 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 3.898.749.059 | 4.775.710.768 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 16 | 1.620.911.678 | 2.296.745.474 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 5.785.263 | 1.552.220 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 17 | 48.210.711 | 94.617.746 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 676.325.284 | 785.782.287 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 18 | 441.241.501 | 483.188.419 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 19 | 1.060.000.000 | 1.065.000.000 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 46.274.622 | 48.824.622 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | 55.000.000 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | 55.000.000 |
| 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 25.313.747.427 | 23.561.558.769 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 20 | 25.313.747.427 | 23.561.558.769 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 20 | 22.310.580.000 | 22.310.580.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 22.310.580.000 | 22.310.580.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | 20 | 637.870.381 | 637.870.381 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 20 | 557.379.520 | 557.379.520 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 20 | 1.807.917.526 | 55.728.868 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 55.728.868 | (1.724.660.600) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 1.752.188.658 | 1.780.389.468 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 29.212.496.486 | 28.392.269.537 |



Quyền Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Hồ Thị Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 22 | 45.804.409.372 | 47.154.933.695 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 23 | 102.367.070 | 89.494.628 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ | 10 | | 45.702.042.302 | 47.065.439.067 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 24 | 38.837.102.836 | 40.545.458.815 |
| 5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ | 20 | | <u>6.864.939.466</u> | <u>6.519.980.252</u> |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 25 | 234.077.190 | 216.722.123 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 26 | 28.885.146 | 20.236.637 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 26.975.000 | 19.727.822 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | 27.a | 2.376.653.711 | 2.274.354.119 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 27.b | 2.964.836.177 | 2.932.055.806 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | <u>1.728.641.622</u> | <u>1.510.055.813</u> |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 28 | 117.744.410 | 257.931.734 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 14.886.463 | 2.820.826 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | <u>102.857.947</u> | <u>255.110.908</u> |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | <u>1.831.499.569</u> | <u>1.765.166.721</u> |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 29 | 79.310.911 | 68.234.757 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | (101.012.116) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | <u>1.752.188.658</u> | <u>1.797.944.080</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 61 | | 1.752.188.658 | 1.797.944.080 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 30 | 785 | 798 |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 30 | 785 | 798 |



Quyền Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Hồ Thị Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--|-------|-------------|------------------------|----------------------|
| I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 1.831.499.569 | 1.765.166.721 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | - | |
| - Khấu hao Tài sản cố định | 02 | 14, 15 | 1.262.656.367 | 1.229.802.797 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 62.554.813 | 56.701.551 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | 25 | (220.904.183) | (280.358.486) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 26 | 26.975.000 | 19.727.822 |
| 3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 2.962.781.566 | 2.791.040.405 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 334.802.518 | 231.990.912 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (537.414.822) | 514.530.196 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (916.342.418) | 404.996.088 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 74.679.669 | (103.221.872) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | (19.727.822) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | 17 | (68.234.757) | (27.543.348) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | 2.114.597 |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (2.550.000) | (2.100.001) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 1.847.721.756 | 3.792.079.155 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác | 21 | 14 | (320.000.000) | (31.818.182) |
| 2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác | 22 | | - | 63.636.363 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (4.504.941.000) | (243.425.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác | 24 | | 290.443.636 | 525.644.000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 25 | 151.830.218 | 216.722.123 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (4.382.667.146) | 530.759.304 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 19 | 120.000.000 | 1.403.200.000 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 19 | (125.000.000) | (2.004.121.053) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (5.000.000) | (600.921.053) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (2.539.945.390) | 3.721.917.406 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 5 | 5.492.460.898 | 1.770.543.492 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 5 | 2.952.515.508 | 5.492.460.898 |



Quyển Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Hồ Thị Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT
- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ
Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06/10/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 28.03.000151 ngày 12/11/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/12/2015 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh thương mại các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục...; Giáo dục mầm non.

1.3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới nhà nước cấm);
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.

1.4. Cấu trúc Công ty

Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

hợp nhất này.

Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Ngày 27/02/2017, Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE (công ty con) đã giải thể theo thông báo của Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh.

Công ty con được hợp nhất:

Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE

- Trụ sở chính: Đường Hoàng Hà, Thôn Tân Trung, Xã Thạch Trung, Thành Phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục thể thao và giải trí; Giáo dục văn hóa nghệ thuật; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Đại lý; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).
- Vốn điều lệ: 13.500.000.000 đồng, tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%;
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày theo qui định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|------------------------|---------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 |
| Phương tiện vận tải | 10 |

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng năm được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Đối với sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo dục mầm non: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Đối với hoạt động bán sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị dạy học, từ điển: Áp dụng mức thuế suất là 5%;
 - ✓ Đối với hoạt động bán văn phòng phẩm và thiết bị khác...: Áp dụng mức thuế suất là 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

Riêng thu nhập từ Dự án Trường mầm non Hoa Sen (thuộc Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE) được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2009 là năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế, do đó dự án được miễn thuế 4 năm (2009 – 2012) và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo (2013 – 2017). Các ưu đãi trên được quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000031 ngày 10/11/2008 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 402.026.591 | 204.944.724 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 2.050.488.917 | 771.671.729 |
| Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng | 500.000.000 | 4.515.844.445 |
| Cộng | 2.952.515.508 | 5.492.460.898 |

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|----------------------|------------|
| Tiền gửi kỳ hạn 6 tháng - Ngân hàng Seabank | 4.504.941.000 | - |
| Cộng | 4.504.941.000 | - |

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Phòng Giáo dục Lộc Hà | 386.567.510 | 476.442.240 |
| Tâm Thông - Kỳ Anh | 551.044.763 | 551.044.763 |
| Các đối tượng khác | 1.769.128.223 | 1.958.696.324 |
| Cộng | 2.706.740.496 | 2.986.183.327 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|-------------------|------------|
| Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Cường Anh | 30.000.000 | - |
| Các đối tượng khác | 253.580 | - |
| Cộng | 30.253.580 | - |

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|----------------------|----------------------|
| Phải thu cá nhân vay mua cổ phiếu (gốc + lãi) (*) | 1.046.611.006 | 1.046.611.006 |
| Các khoản cho vay khác | 70.989.864 | - |
| Cộng | 1.117.600.870 | 1.046.611.006 |

(*) Là khoản cho cán bộ công nhân viên vay mua cổ phần phát hành thêm năm 2010 theo các cam kết vay tiền ngày 30/12/2009, lãi suất vay 1%/tháng. Hiện nay, số cán bộ công nhân viên này đã nghỉ việc và Công ty không thu hồi được nợ gốc cũng như lãi đối với các khoản cho vay này. Do đó, toàn bộ khoản nợ phải thu này đã được trích lập dự phòng.

10. Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|---------------------------------|--------------------|---------------------|--------------------|---------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Công ty TNHH Công nghiệp HBE | 14.348.078 | (14.348.078) | 63.644.371 | (63.644.371) |
| Tạm ứng | 29.400.000 | - | 137.754.163 | - |
| Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng | 82.246.972 | - | - | - |
| Phải thu Bảo hiểm xã hội | - | - | 3.807.183 | - |
| Các khoản phải thu khác | 190.947.084 | (6.486.616) | 115.102.712 | (13.486.617) |
| Cộng | 316.942.134 | (20.834.694) | 320.308.429 | (77.130.988) |

11. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|----------------------|----------------------|
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn | 1.990.284.789 | 1.992.054.597 |
| - Từ 3 năm trở lên | 1.990.284.789 | 1.992.054.597 |
| - Trên 6 tháng đến dưới 1 năm | - | - |
| Cộng | 1.990.284.789 | 1.992.054.597 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ xấu

| 31/12/2016 | | | | |
|--|----------------------|---------------------------|----------------------|--|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Ghi chú |
| Phải thu khách hàng | 851.849.225 | - | | |
| - Anh Sơn - Kỳ Trinh - Kỳ Anh | 60.366.008 | - | Trên 3 năm | Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán |
| - Tâm Thông - Kỳ Anh | 551.044.763 | - | Trên 3 năm | Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán |
| - Các đối tượng khác | 240.438.454 | - | Trên 3 năm | Không có khả năng thu hồi |
| Phải thu về cho vay | 1.117.600.870 | - | | |
| - Phải thu cá nhân vay mua cổ phiếu (gốc + lãi) | 1.117.600.870 | - | Trên 3 năm | CBCNV đã nghỉ việc |
| Phải thu khác | 20.834.694 | - | | |
| - Công ty TNHH Công nghiệp HBE | 14.348.078 | - | Trên 3 năm | Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán |
| - Các đối tượng khác | 6.486.616 | - | Trên 3 năm | Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán |
| Cộng | 1.990.284.789 | - | | |

| 01/01/2016 | | | | |
|--|----------------------|---------------------------|----------------------|--|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Ghi chú |
| Phải thu khách hàng | 868.312.603 | - | | |
| - Anh Sơn - Kỳ Trinh - Kỳ Anh | 70.366.008 | - | Trên 3 năm | Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán |
| - Tâm Thông - Kỳ Anh | 551.044.763 | - | Trên 3 năm | Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán |
| - Các đối tượng khác | 246.901.832 | - | Trên 3 năm | Không có khả năng thu hồi |
| Phải thu về cho vay | 1.046.611.006 | - | | |
| - Phải thu cá nhân vay mua cổ phiếu (gốc + lãi) | 1.046.611.006 | - | Trên 3 năm | CBCNV đã nghỉ việc |
| Phải thu khác | 77.130.988 | - | | |
| - Công ty TNHH Công nghiệp HBE | 63.644.371 | - | Trên 3 năm | Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán |
| - Các đối tượng khác | 13.486.617 | - | Trên 3 năm | Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán |
| Cộng | 1.992.054.597 | - | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|-----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 16.334.454 | - | 15.666.223 | - |
| Hàng hóa | 2.505.844.024 | (164.820.357) | 1.969.097.433 | (100.495.736) |
| Cộng | 2.522.178.478 | (164.820.357) | 1.984.763.656 | (100.495.736) |

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2016 là 164.820.357 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch bán giảm giá đối với các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 5.985.500 | - |
| Chi phí sửa chữa tài sản | - | 3.780.002 |
| Chi phí bảo trì phần mềm | 10.000.000 | 11.000.000 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | - | 4.817.000 |
| Cộng | 15.985.500 | 19.597.002 |

b. Dài hạn

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|--------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 672.939.972 | 571.981.909 |
| Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (*) | 177.570.030 | 181.990.861 |
| Chi phí sửa chữa chờ phân bổ | 25.378.081 | 192.983.480 |
| Cộng | 875.888.083 | 946.956.250 |

(*) Là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của 2.677,1 m² đất tại Phường Thạch Quý, Thành phố Hà Tĩnh. Đây là thửa đất thuê của Nhà nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB450981 ngày 02/07/2011 của Sở Tài nguyên Tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian thuê đất đến 01/03/2056, tiền thuê đất trả hàng năm. Hiện nay, quyền sử dụng đất này đang được sử dụng làm nhà kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | P.tiện vận tải truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------|---------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu kỳ | 19.659.127.528 | 2.145.835.000 | 66.818.182 | 21.871.780.710 |
| Mua trong năm | 320.000.000 | - | - | 320.000.000 |
| Thanh lý, nhượng bán | 17.161.686 | - | - | 17.161.686 |
| Số cuối kỳ | 19.961.965.842 | 2.145.835.000 | 66.818.182 | 22.174.619.024 |
| Khấu hao | | | | |
| Số đầu kỳ | 4.011.400.435 | 1.275.029.725 | 20.169.193 | 5.306.599.353 |
| Khấu hao trong kỳ | 927.139.761 | 317.910.546 | 17.606.060 | 1.262.656.367 |
| Thanh lý, nhượng bán | 3.988.679 | - | - | 3.988.679 |
| Số cuối kỳ | 4.934.551.517 | 1.592.940.271 | 37.775.253 | 6.565.267.041 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu kỳ | 15.647.727.093 | 870.805.275 | 46.648.989 | 16.565.181.357 |
| Số cuối kỳ | 15.027.414.325 | 552.894.729 | 29.042.929 | 15.609.351.983 |

- ✓ Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2016.
- ✓ Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 241.120.000 đồng.
- ✓ Không có các cam kết về việc mua lại các tài sản cố định có giá trị lớn trong tương lai.

15. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất (*) | Phần mềm máy vi tính | Cộng |
|------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu kỳ | 715.204.000 | 32.000.000 | 747.204.000 |
| Tăng trong kỳ | - | - | - |
| Giảm trong kỳ | - | - | - |
| Số cuối kỳ | 715.204.000 | 32.000.000 | 747.204.000 |
| Khấu hao | | | |
| Số đầu kỳ | - | 32.000.000 | 32.000.000 |
| Khấu hao trong kỳ | - | - | - |
| Giảm trong kỳ | - | - | - |
| Số cuối kỳ | - | 32.000.000 | 32.000.000 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu kỳ | 715.204.000 | - | 715.204.000 |
| Số cuối kỳ | 715.204.000 | - | 715.204.000 |

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 172,8 m² tại 58 Phan Đình Phùng, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG481394 ngày 13/05/2013 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2016.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 32.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Sách TBGD Đức Trí | 103.475.700 | 175.543.950 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | 178.905.285 | 475.784.790 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo dục | - | 176.575.162 |
| Công ty Cổ phần Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi | 32.096.865 | 196.031.550 |
| Công ty Cổ phần thương mại tổng hợp Tâm Việt | 159.083.636 | 16.223.800 |
| Các đối tượng khác | 1.147.350.192 | 1.256.586.222 |
| Cộng | 1.620.911.678 | 2.296.745.474 |

Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan

| | Mối quan hệ | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|---|----------------------|--------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội | Chung Công ty đầu tư | 71.464.100 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | Chung Công ty đầu tư | 178.905.285 | 475.784.790 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục | Chung Công ty đầu tư | - | 176.575.162 |
| Các đối tượng khác | Chung Công ty đầu tư | 15.280.778 | 4.761.510 |
| Cộng | | 265.650.163 | 657.121.462 |

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu kỳ | | Số phải nộp trong kỳ | Số thực nộp trong kỳ | Số cuối kỳ | |
|-----------------------------|-------------------|-------------------|----------------------|----------------------|------------|-------------------|
| | Phải thu | Phải trả | | | Phải thu | Phải trả |
| Thuế GTGT | - | 26.108.079 | 279.899.470 | 294.584.304 | - | 11.423.245 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 46.120.445 | 68.234.757 | 79.310.911 | 68.234.757 | - | 33.190.466 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 274.910 | - | 274.910 | - | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | - | 159.353.915 | 159.353.915 | - | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 9.597.000 | 6.000.000 | - | 3.597.000 |
| Cộng | 46.120.445 | 94.617.746 | 528.161.296 | 528.447.886 | - | 48.210.711 |

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|--------------------|--------------------|
| Tài sản thừa chờ xử lý | 4.900.157 | 3.531.451 |
| Kinh phí công đoàn | 56.838.371 | 83.027.958 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 14.094.624 | 19.907.375 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | - | 170.000.000 |
| Lãi vay phải trả CBCNV | 26.975.000 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 338.433.349 | 206.721.635 |
| Cộng | 441.241.501 | 483.188.419 |

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Số đầu kỳ | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Số cuối kỳ |
|----------------------------|----------------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| Vay ngắn hạn (cá nhân) (*) | 515.000.000 | 120.000.000 | 125.000.000 | 510.000.000 |
| Sở Tài chính (**) | 550.000.000 | - | - | 550.000.000 |
| Cộng | 1.065.000.000 | 120.000.000 | 125.000.000 | 1.060.000.000 |

(*) Là các khoản vay cán bộ công nhân viên theo các thỏa thuận hỗ trợ vốn tại công ty mẹ; theo đó: đến khi nào Công ty làm thủ tục tăng vốn thì số tiền này sẽ chuyển thành tiền mua cổ phần hoặc sẽ có thỏa thuận khác. Nếu cá nhân nghỉ việc, chuyển việc thì Công ty sẽ hoàn trả lại tiền; Lãi suất: Bằng với tỷ lệ cổ tức Công ty chi trả cho các cổ đông hàng năm.

(**) Phải trả Sở Tài chính Hà Tĩnh phát sinh từ 2 hợp đồng vay vốn giữa Công ty Cổ phần Sách - TBTH Hà Tĩnh và Sở Tài chính Hà Tĩnh, cụ thể:

- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 03/02/2005, số tiền vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 năm bắt đầu từ ngày 03/02/2005 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Xây dựng đề án ứng dụng công nghệ thông tin.
- Hợp đồng vay vốn trung dài hạn ngày 05/06/2006, số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 năm bắt đầu từ ngày 05/06/2006 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Đầu tư dự án xây dựng kho và xưởng sản xuất thiết bị giáo dục – đồ chơi trẻ em.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | LNST chưa phân phối | Cộng |
|----------------------|---------------------------|----------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|
| Số dư tại 01/01/2015 | 22.310.580.000 | 637.870.381 | 557.379.520 | (1.724.660.600) | 21.781.169.301 |
| Tăng trong kỳ | - | - | - | 1.797.944.080 | 1.797.944.080 |
| Giảm trong kỳ | - | - | - | 17.554.612 | 17.554.612 |
| Số dư tại 31/12/2015 | <u>22.310.580.000</u> | <u>637.870.381</u> | <u>557.379.520</u> | <u>55.728.868</u> | <u>23.561.558.769</u> |
| Số dư tại 01/01/2016 | 22.310.580.000 | 637.870.381 | 557.379.520 | 55.728.868 | 23.561.558.769 |
| Tăng trong kỳ | - | - | - | 1.752.188.658 | 1.752.188.658 |
| Giảm trong kỳ | - | - | - | - | - |
| Số dư tại 31/12/2016 | <u>22.310.580.000</u> | <u>637.870.381</u> | <u>557.379.520</u> | <u>1.807.917.526</u> | <u>25.313.747.427</u> |

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam | 11.149.230.000 | 11.149.230.000 |
| Các cổ đông khác | 11.161.350.000 | 11.161.350.000 |
| Cộng | <u>22.310.580.000</u> | <u>22.310.580.000</u> |

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---------------------------|----------------|----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| - Vốn góp đầu kỳ | 22.310.580.000 | 22.310.580.000 |
| - Vốn góp tăng trong kỳ | - | - |
| - Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| - Vốn góp cuối kỳ | 22.310.580.000 | 22.310.580.000 |
| Cổ tức đã chia | - | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ phiếu

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|------------|------------|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 2.231.058 | 2.231.058 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 2.231.058 | 2.231.058 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 2.231.058 | 2.231.058 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 2.231.058 | 2.231.058 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 2.231.058 | 2.231.058 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 2.231.058 | 2.231.058 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND | | |

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|----------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang | 55.728.868 | (1.724.660.600) |
| Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này | 1.752.188.658 | 1.797.944.080 |
| Phân phối lợi nhuận | - | 17.554.612 |
| Phân phối lợi nhuận kỳ trước | - | - |
| Phân phối lợi nhuận kỳ này | - | 17.554.612 |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | 17.554.612 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ | 1.807.917.526 | 55.728.868 |

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

| | VND | Nguyên nhân xóa nợ |
|-------------------------------------|--------------------|-----------------------|
| Trường tiểu học Bắc thị trấn Kỳ Anh | 6.503.952 | Nợ không thu hồi được |
| Phòng Giáo dục Cẩm Xuyên (Anh Chí) | 9.250.000 | Nợ không thu hồi được |
| Công ty Cổ phần Thương mại Hồng Hà | 10.100.000 | Nợ không thu hồi được |
| Nợ khó đòi đã xử lý | 128.756.222 | Nợ không thu hồi được |
| | 154.610.174 | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo | 27.258.619.729 | 30.280.878.724 |
| Doanh thu thiết bị giáo dục | 1.344.683.720 | 1.972.517.963 |
| Doanh thu văn phòng phẩm | 4.513.155.043 | 3.344.963.953 |
| Doanh thu hàng hóa thương mại khác | 4.052.168.880 | 2.938.831.055 |
| Doanh thu trường mầm non | 8.635.782.000 | 8.617.742.000 |
| Cộng | 45.804.409.372 | 47.154.933.695 |

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---------------------|--------------------|-------------------|
| Hàng bán bị trả lại | 102.367.070 | 89.494.628 |
| Cộng | 102.367.070 | 89.494.628 |

24. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo | 24.644.530.490 | 27.105.994.672 |
| Giá vốn thiết bị giáo dục | 1.003.160.842 | 1.629.114.123 |
| Giá vốn văn phòng phẩm | 3.293.483.916 | 2.395.249.804 |
| Giá vốn hàng hóa thương mại khác | 3.101.194.802 | 2.414.005.087 |
| Giá vốn Trường mầm non | 6.730.408.165 | 6.911.110.050 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 64.324.621 | 89.985.079 |
| Cộng | 38.837.102.836 | 40.545.458.815 |

25. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 234.077.190 | 216.722.123 |
| Cộng | 234.077.190 | 216.722.123 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí tài chính

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí lãi vay | 26.975.000 | 19.727.822 |
| Chi phí tài chính khác | 1.910.146 | 508.815 |
| Cộng | 28.885.146 | 20.236.637 |

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân công | 1.586.782.979 | 1.529.938.427 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ CCDC | 366.538.177 | 329.636.148 |
| Các khoản khác | 423.332.555 | 414.779.544 |
| Cộng | 2.376.653.711 | 2.274.354.119 |

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân công | 1.410.597.659 | 1.494.422.174 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ CCDC | 363.982.741 | 368.341.778 |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi | 40.270.561 | (33.283.528) |
| Chi các khoản khác | 1.149.985.216 | 1.102.575.382 |
| Cộng | 2.964.836.177 | 2.932.055.806 |

28. Thu nhập khác

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|--------------------|--------------------|
| Lãi từ bán thanh lý tài sản cố định | - | 63.636.363 |
| Phạt vi phạm hợp đồng lao động | - | 24.000.000 |
| Tặng phí phát hành sách | 86.454.726 | - |
| Bán thanh lý giá kệ | - | 80.379.422 |
| Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm | - | 9.280.000 |
| Các khoản thu nhập khác | 31.289.684 | 80.635.949 |
| Cộng | 117.744.410 | 257.931.734 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|-------------------|-------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.831.499.569 | 1.765.166.721 |
| Điều chỉnh các khoản để xác định TN chịu thuế | (687.230.251) | (858.857.382) |
| + Các khoản điều chỉnh tăng | 119.110.317 | 391.284 |
| - Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội | 1.910.146 | 391.284 |
| - Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ | 117.200.171 | - |
| + Các khoản điều chỉnh giảm | 806.340.568 | 859.248.666 |
| - Chuyển lỗ các năm trước | 806.340.568 | 859.248.666 |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 1.144.269.318 | 906.309.339 |
| - Thu nhập từ hoạt động giáo dục | 996.953.016 | 753.514.075 |
| - Thu nhập từ hoạt động khác | 147.316.302 | 152.795.264 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 129.158.562 | 105.910.461 |
| - Thuế TNDN từ hoạt động giáo dục | 99.695.302 | 75.351.408 |
| - Thuế TNDN từ hoạt động khác | 29.463.260 | 30.559.053 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm | 49.847.651 | 37.675.704 |
| - Thuế TNDN từ hoạt động giáo dục | 49.847.651 | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 79.310.911 | 68.234.757 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này | 79.310.911 | 68.234.757 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này | - | - |

30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|---------------|---------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.752.188.658 | 1.797.944.080 |
| Các khoản đc tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán | - | (17.554.612) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm (quỹ khen thưởng, phúc lợi) | - | 17.554.612 |
| Lợi nhuận/Lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông | 1.752.188.658 | 1.780.389.468 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 2.231.058 | 2.231.058 |
| Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu | 785 | 798 |

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.586.419.838 | 1.875.795.906 |
| Chi phí nhân công | 5.968.450.881 | 5.912.124.905 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.262.656.367 | 1.229.802.797 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.834.849.446 | 1.658.823.705 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.379.250.960 | 1.474.256.190 |
| Cộng | 12.031.627.492 | 12.150.803.503 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

| Năm 2016 CHỈ TIÊU | Lĩnh vực giáo dục | Lĩnh vực thương mại | Tổng |
|--------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| Doanh thu bộ phận | 8.699.726.815 | 37.002.315.487 | 45.702.042.302 |
| Giá vốn hàng bán | 6.730.408.165 | 32.106.694.671 | 38.837.102.836 |
| Chi phí bán hàng | - | 2.376.653.711 | 2.376.653.711 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 896.183.819 | 2.068.652.358 | 2.964.836.177 |
| Lãi (lỗ) hoạt động kinh doanh | 1.073.134.831 | 450.314.747 | 1.523.449.578 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 17.581.596 | 216.495.594 | 234.077.190 |
| Chi phí hoạt động tài chính | - | 28.885.146 | 28.885.146 |
| Lãi (lỗ) hoạt động tài chính | 17.581.596 | 187.610.448 | 205.192.044 |
| Thu nhập khác | 9.848.136 | 107.896.274 | 117.744.410 |
| Chi phí khác | 13.946.778 | 939.685 | 14.886.463 |
| Lãi (lỗ) hoạt động khác | (4.098.642) | 106.956.589 | 102.857.947 |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.086.617.785 | 744.881.784 | 1.831.499.569 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 79.310.911 | - | 79.310.911 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | - | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 1.007.306.874 | 744.881.784 | 1.752.188.658 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | | | |
| CHỈ TIÊU | Lĩnh vực giáo dục | Lĩnh vực thương mại | Tổng |
| - Tài sản ngắn hạn | - | 12.012.052.420 | 12.012.052.420 |
| - Tài sản dài hạn | - | 17.200.444.066 | 17.200.444.066 |
| Tổng tài sản | - | 29.212.496.486 | 29.212.496.486 |
| - Nợ ngắn hạn | - | 3.898.749.059 | 3.898.749.059 |
| - Nợ dài hạn | - | - | - |
| Tổng nợ | - | 3.898.749.059 | 3.898.749.059 |
| Khấu hao trong kỳ | 900.232.635 | 362.423.732 | 1.262.656.367 |
| Tài sản cố định tăng trong kỳ | 320.000.000 | - | 320.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

| Năm 2015 CHỈ TIÊU | Lĩnh vực giáo dục | Lĩnh vực thương mại | Tổng |
|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| Doanh thu bộ phận | 8.606.005.000 | 38.459.434.067 | 47.065.439.067 |
| Giá vốn hàng bán | 6.911.110.050 | 33.634.348.765 | 40.545.458.815 |
| Chi phí bán hàng | - | 2.274.354.119 | 2.274.354.119 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 941.380.875 | 1.990.674.931 | 2.932.055.806 |
| Lãi (lỗ) hoạt động kinh doanh | 753.514.075 | 560.056.252 | 1.313.570.327 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | - | 216.722.123 | 216.722.123 |
| Chi phí hoạt động tài chính | - | 20.236.637 | 20.236.637 |
| Lãi (lỗ) hoạt động tài chính | - | 196.485.486 | 196.485.486 |
| Thu nhập khác | - | 257.931.734 | 257.931.734 |
| Chi phí khác | - | 2.820.826 | 2.820.826 |
| Lãi (lỗ) hoạt động khác | - | 255.110.908 | 255.110.908 |
| Lợi nhuận trước thuế | 753.514.075 | 1.011.652.646 | 1.765.166.721 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 37.675.704 | 30.559.053 | 68.234.757 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | - | (101.012.116) | (101.012.116) |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 715.838.371 | 1.082.105.709 | 1.797.944.080 |
| Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 | Lĩnh vực | Lĩnh vực | Tổng |
| CHỈ TIÊU | giáo dục | thương mại | |
| - Tài sản ngắn hạn | 551.834.451 | 9.251.659.979 | 9.803.494.430 |
| - Tài sản dài hạn | 13.307.057.645 | 5.281.717.462 | 18.588.775.107 |
| Tổng tài sản | 13.858.892.096 | 14.533.377.441 | 28.392.269.537 |
| - Nợ ngắn hạn | 1.067.922.759 | 3.707.788.009 | 4.775.710.768 |
| - Nợ dài hạn | 55.000.000 | - | 55.000.000 |
| Tổng nợ | 1.122.922.759 | 3.707.788.009 | 4.830.710.768 |
| Khấu hao trong kỳ | 873.565.932 | 356.236.865 | 1.229.802.797 |
| Tài sản cố định tăng trong kỳ | - | 31.818.182 | 31.818.182 |

33. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kì cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Đối với lĩnh vực thương mại, Công ty mua hàng chủ yếu từ các Công ty thuộc hệ thống Nhà Xuất bản Việt Nam. Trong đó mặt hàng chủ yếu là sách giáo khoa và sách tham khảo; do đó chịu sự rủi ro từ việc thay đổi tỷ lệ chiết khấu trên giá bia. Chính sách chiết khấu sẽ thay đổi theo thời hạn thanh toán, theo phương thức mua trả tiền mặt hay mua nợ. Để có được tỷ lệ chiết khấu cao, Công ty có chính sách thu hồi công nợ và huy động nguồn vốn vay để tối đa hóa lợi ích từ chiết khấu được hưởng.

Đối với lĩnh vực đào tạo mầm non, chi phí chính là chi phí nhân công, các chi phí nguyên liệu thực phẩm, nhiên liệu; nếu có biến động lớn thì giá dịch vụ suất ăn và đưa đón cũng biến động theo nên Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty hầu như không chịu rủi ro về giá.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có một số khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tồn đọng nhiều năm không phát sinh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng, hiện nay, Công ty có rủi ro tín dụng. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng thì các khoản nợ khó đòi đều được Công ty theo dõi, có biện pháp thu hồi cụ thể và lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành. Đối với lĩnh vực đào tạo mầm non, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì học phí phải thu giá trị không lớn, phân bổ cho nhiều khách hàng và đều được thu tiền ngay.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

| 31/12/2016 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|--------------------------|----------------------|-------------------|----------------------|
| Phải trả người bán | 1.620.911.678 | - | 1.620.911.678 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 1.060.000.000 | - | 1.060.000.000 |
| Phải trả khác | 365.408.349 | - | 365.408.349 |
| Cộng | 3.046.320.027 | - | 3.046.320.027 |
| 01/01/2016 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
| Phải trả người bán | 2.296.745.474 | - | 2.296.745.474 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 1.065.000.000 | - | 1.065.000.000 |
| Phải trả khác | 376.721.635 | 55.000.000 | 431.721.635 |
| Cộng | 3.738.467.109 | 55.000.000 | 3.793.467.109 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần theo thời hạn thanh toán như sau:

| 31/12/2016 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|------------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.952.515.508 | - | 2.952.515.508 |
| Phải thu khách hàng | 1.854.891.271 | - | 1.854.891.271 |
| Phải thu khác | 266.707.440 | - | 266.707.440 |
| Cộng | 5.074.114.219 | - | 5.074.114.219 |
| 01/01/2016 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.492.460.898 | - | 5.492.460.898 |
| Phải thu khách hàng | 2.117.870.724 | - | 2.117.870.724 |
| Phải thu về cho vay | - | 361.433.500 | 361.433.500 |
| Phải thu khác | 101.616.095 | - | 101.616.095 |
| Cộng | 7.711.947.717 | 361.433.500 | 8.073.381.217 |

34. Các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

| Công ty liên quan | Mối quan hệ |
|---------------------------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty Cổ phần ĐT&PT Giáo dục Hà Nội | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển | Chung Công ty đầu tư |
| Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên có liên quan trong kỳ

| | Nội dung nghiệp vụ | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|--------------------|----------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc | Mua sách các loại | 12.244.243.214 | 11.745.133.766 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | Mua sách các loại | 11.427.514.730 | 12.931.744.446 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo dục | Mua sách các loại | 902.855.020 | 1.568.062.652 |

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|----------------------------|-------------|-------------|
| Thu nhập Ban Tổng Giám đốc | 459.052.150 | 383.811.450 |
| Thù lao Hội đồng quản trị | 88.388.000 | - |

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



Quyền Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Hồ Thị Hà

Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Lô 78-80, Đường 30/4,
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel : +(84-511) 3655 886
Fax: +(84-511) 3655 887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 4, Tòa nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +(84-8) 3910 2235
Fax: +(84-8) 3910 2349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Thành viên

